

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày: 02-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Toàn

Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 29/8/2018 đối với bị cáo:

Phan Văn Đ, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Có 01 người em sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 9 thì nghỉ học ở nhà làm nghề sửa xe cho đến ngày phạm tội; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2018 cho đến nay (có mặt)

- Bị hại: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Người làm chứng*: Phan Minh M, sinh ngày 14/02/2000 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng sớm ngày 09/7/2018, Phan Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 59D1-358.39 từ nhà ở xã C (G – Bến Tre) theo các tuyến đường liên xã xuống huyện B, tỉnh Bến Tre rồi vòng theo quốc lộ 57C lên huyện G để tìm giật tài sản của người đi đường. Khi chạy đến khu vực ấp H, xã AT (B – Bến Tre) lúc này khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, Đ nhìn thấy anh Nguyễn Hoàng T – sinh năm 1986 ngụ ấp AD, xã NT, huyện B chạy xe mô tô ngược chiều từ hướng xã NT xuống huyện B chở vợ là chị Nguyễn Thị B ngồi phía sau trên tay có cầm chiếc túi xách nên quay xe lại đuổi theo áp sát giật lấy chiếc túi xách của chị B rồi tăng ga tẩu thoát về phía vòng xoay AT. Đến đoạn đường vắng, Đ dừng xe lại lục túi xách lấy 01 điện thoại di động và 46 card điện thoại di động trị giá là 2.000.000 đồng rồi quăng bỏ chiếc túi có một số giấy tờ tùy thân của chị B. Sau đó, Đ chạy xe về nhà sử dụng điện thoại cướp giật được nạp số card điện thoại chơi game online hết và chụp hình cá nhân thì bị chị B phát hiện khi truy cập vào địa chỉ gmail của điện thoại bị mất nên trình báo Cơ quan điều tra làm rõ.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 01 vỏ hộp điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu trắng có số IMEL 352810/09/977643/3; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 vỏ màu hồng, số IMEL 352810/09/977643/3 của chị Nguyễn Thị B; đã xử lý trả cho chủ sở hữu.

- 01 mũ bảo hiểm màu đỏ trên mũ có chữ “Goodwill” và chữ “kết sắt thông minh”; 01 áo thun màu đen ngắn tay, trên ngực có in hình con chó của Phan Văn Đ; chưa xử lý.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, biển số 59D1-358.39, số máy 55P1-083248, số khung P10CY-083240; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 070770 của anh Phan Minh M - sinh năm 2000 ngụ ấp K, xã BH (G – Bến Tre); đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL.ĐGTS ngày 27/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận chiếc điện

thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 2.200.000 đồng, riêng chiếc túi xách do không có vật nên không đủ căn cứ định giá.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSHBT ngày 28/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre truy tố Phan Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Phan Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng xe mô tô cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị B như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị B không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào do đã nhận lại được tài sản và đã nhận số tiền bồi thường 2.140.000 đồng từ mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị N. Về trách nhiệm hình sự, chị B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.140.000 đồng mà bà N đã bồi thường cho chị B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phan Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn Đ từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường xong, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đỏ trên mũ có chữ “Goodwill” và chữ “kết sắt thông minh” cùng 01 áo thun màu đen ngắn tay, trên ngực có in hình con chó của Phan Văn Đ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Phan Văn Đ là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Phan Văn Đ đã có hành vi sử dụng xe mô tô cướp giật chiếc túi xách của chị Nguyễn Thị B bên trong có 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 và 46 card điện thoại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.200.000 đồng. Sự việc xảy ra vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/7/2018 trên Quốc lộ 57C thuộc khu vực ấp AH, xã AT (B, Bến Tre). Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phan Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Hành vi sử dụng xe mô tô cướp giật tài sản của người khác là có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của người bị chiếm đoạt tài sản và những người tham gia giao thông khác. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và với đặc điểm nhân thân cùng tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi của bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm bị cáo bằng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một hời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: quá trình điều tra, bị cáo đã có tác động gia đình bồi thường cho bị hại; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, do bị cáo có ông nội là liệt sĩ và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Do bị cáo có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt nên HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong điều luật mà Viện Kiểm sát đã truy tố cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại được tài sản và số tiền bồi thường 2.140.000 đồng từ mẹ bị cáo nên tự nguyện không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. HĐXX xét thấy sự tự nguyện này là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Bà Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.140.000 đồng mà bà N đã trả cho bị hại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT công an huyện Ba Tri xử lý giao trả các tài sản sau cho các chủ sở hữu: 01 vỏ hộp điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 vỏ màu hồng cho chị Nguyễn Thị B; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, biển số 59D1-358.39; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 070770 cho anh Phan Minh M. Xét việc xử lý giao trả các tài sản trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ trên mũ có chữ “Goodwill” và chữ “kết sắt thông minh” cùng 01 áo thun màu đen ngắn tay, trên ngực có in hình con chó của Phan Văn Đ do Đ không yêu cầu nhận lại nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 20/7/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Nguyễn Thị B đã nhận số tiền bồi thường 2.140.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thêm.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Ghi nhận cơ quan CSĐT công an huyện Ba Tri đã giao trả các tài sản sau cho các chủ sở hữu: 01 vỏ hộp điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu trắng có số IMEL 352810/09/977643/3 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 vỏ màu hồng, số IMEL 352810/09/977643/3 cho chị Nguyễn Thị B; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, biển số 59D1-358.39, số máy 55P1-083248, số khung P10CY-083240; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 070770 cho anh Phan Minh M.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đỏ trên mũ có chữ “Goodwill” và chữ “kết sắt thông minh” cùng 01 áo thun màu đen ngắn tay, trên ngực có in hình con chó của Phan Văn Đ (Theo phiếu nhập kho số NKTV26 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Bị cáo Phan Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- *UBND xã L (G, Bến Tre);*
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tấn Tài